

3. Hiện trạng sử dụng đất phân theo loại đất và phân theo huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh (Tính đến 31/12/2018)
Land use by types of land and by district (As of 31/12/2018)

ĐVT: Nghìn ha - Unit: Thous. ha

	Tổng diện tích <i>Total area</i>	Trong đó - Of which			
		Đất sản xuất nông nghiệp <i>Agricultural production land</i>	Đất lâm nghiệp <i>Forestry land</i>	Đất chuyên dùng <i>Specially used land</i>	Đất ở <i>Homestead land</i>
TỔNG SỐ - TOTAL	687,676	445,257	172,745	46,522	6,744
<i>Phân theo đơn vị cấp huyện - by districts</i>					
- Thị xã Phước Long	11,938	6,952	1,246	2,914	0,466
- Thành phố Đồng Xoài	16,732	13,544	-	1,872	0,727
- Thị xã Bình Long	12,617	11,032	-	0,866	0,369
- Huyện Bù Gia Mập	106,428	47,834	49,383	7,224	0,41
- Huyện Lộc Ninh	85,329	53,917	24,703	4,119	1,047
- Huyện Bù Đốp	38,051	20,574	12,847	2,642	0,317
- Huyện Hớn Quản	66,413	52,421	7,032	4,200	0,673
- Huyện Đồng Phú	93,624	67,101	19,266	4,352	0,685
- Huyện Bù Đăng	150,120	77,412	58,268	10,575	0,609
- Huyện Chơn Thành	38,959	32,785	-	4,549	0,851
- Huyện Phú Riềng	67,465	61,685	-	3,209	0,59

4. Cơ cấu đất sử dụng phân theo loại đất và phân theo huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh (Tính đến 31/12/2018)
Structure of used land use by types of land and by district (As of 31/12/2018)

Đơn vị tính - Unit: %

	Tổng diện tích <i>Total area</i>	Trong đó - Of which			
		Đất sản xuất nông nghiệp <i>Agricultural production land</i>	Đất lâm nghiệp <i>Forestry land</i>	Đất chuyên dùng <i>Specially used land</i>	Đất ở <i>Homestead land</i>
TỔNG SỐ - TOTAL	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
<i>Phân theo đơn vị cấp huyện - by districts</i>					
- Thị xã Phước Long	1,74	1,56	0,72	6,26	6,91
- Thành phố Đồng Xoài	2,43	3,04	-	4,02	10,78
- Thị xã Bình Long	1,83	2,48	-	1,86	5,47
- Huyện Bù Gia Mập	15,48	10,74	28,59	15,53	6,08
- Huyện Lộc Ninh	12,41	12,11	14,30	8,85	15,52
- Huyện Bù Đốp	5,53	4,62	7,44	5,68	4,70
- Huyện Hớn Quản	9,66	11,77	4,07	9,03	9,98
- Huyện Đồng Phú	13,61	15,07	11,15	9,35	10,16
- Huyện Bù Đăng	21,83	17,39	33,73	22,74	9,03
- Huyện Chơn Thành	5,67	7,36	-	9,78	12,62
- Huyện Phú Riềng	9,81	13,86	-	6,90	8,75